

Số: 06/2024/QĐST-KDTM

H, ngày 22 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 48/2023/TLST- KDTM ngày 28 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần T7 chỉ trụ sở: C L, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T– Chức danh: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Ông D, sinh năm 1989; địa chỉ: Căn hộ D, tòa V, T, quận H, thành phố Hà Nội

*** Bị đơn:**

- Công ty TNHH T8 chỉ: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Duy D1 chỉ: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

- Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh T1 địa chỉ: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** bà Nguyễn Thị Thanh T1 năm 1968; địa chỉ: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền gốc, lãi bị đơn còn nợ:

+ Công ty TNHH T9 còn nợ Công ty cổ phần T10 số tiền là 419.798.855 đồng (theo hợp đồng cung cấp và phân phối sản phẩm số /01, biên bản đối chiếu công nợ và xác nhận công nợ với Công ty TNHH T9 ngày 30/5/2021, do bà Nguyễn Thị T2 T1đại diện ký kết) và số nợ lãi tạm tính từ ngày 20/11/2021 đến ngày 20/6/2023 (01 năm 07 tháng) là 62.969.888 đồng. Tổng cộng số tiền là 482.768.743đ (bốn trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng).

+ Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh T1nợ Công ty cổ phần T11 tiền là 75.461.450 đồng (theo hợp đồng cung cấp và phân phối sản phẩm số /02 do bà Nguyễn Thị T2 T1đại diện ký kết, có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2020; bản đối chiếu công nợ và xác nhận công nợ với hộ kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1ngày 30/5/2021) và số nợ lãi tạm tính từ ngày 20/11/2021 đến ngày 20/6/2023 (01 năm 07 tháng) là 11.319.218 đồng. Tổng cộng số tiền là 86.780.668đ (tám mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng).

- Công ty cổ phần T12 yêu cầu Công ty TNHH T13 và hộ kinh doanh N chịu số tiền lãi của 02 khoản nợ gốc nêu trên tính từ ngày 21/6/2023 cho đến ngày bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về nghĩa vụ trả nợ:

+ Công ty TNHH T9 (có người đại diện là ông Lê D2 D1và bà Nguyễn Thị Thanh T3 có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Công ty C tổng số tiền là 482.768.743đ (bốn trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, bảy trăm bốn mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 419.798.855 đồng, nợ lãi là 62.969.888 đồng.

+ Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh T1phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty cổ phần T10 tổng số tiền là 86.780.668đ (tám mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 75.461.450 đồng, nợ lãi là 11.319.218 đồng.

- Về phương pháp trả nợ:

+ Công ty TNHH T9 (có người đại diện là ông Lê D2 D1chị Nguyễn Thị Thanh T1hộ kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1phải trả cho Công ty cổ phần T14 khoản nợ gốc, tương ứng với nghĩa vụ trả nợ nêu trên) số tiền 10.000.000 đồng/1 tháng, kể từ tháng 4/2024 đến ngày 28/02/2025, trong đó Công ty TNHH T9 và bà Nguyễn Thị Thanh T3 có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc là 8.500.000 đồng/1 tháng; hộ kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1phải trả số nợ gốc là 1.500.000 đồng/1 tháng; ngày trả nợ của 02 khoản nợ gốc trên đều vào ngày 10 hàng tháng. Từ ngày 01/3/2025 đến hết ngày 31/3/2025 Công ty TNHH T9, chị Nguyễn Thị Thanh T4 kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1phải trả cho Công ty cổ

phần T10 toàn bộ số nợ gốc còn lại, cụ thể: Công ty TNHH T9, bà Nguyễn Thị Thanh T3 có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc 326.298.855 đồng; hộ kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1 phải trả số tiền là 58.961.450 đồng. Tổng số kỳ trả nợ từ ngày 10/4/2024 đến ngày 31/3/2025 của 02 khoản nợ gốc nêu trên, mỗi khoản nợ gốc là 12 kỳ trả nợ. Công ty TNHH T9, chị Nguyễn Thị Thanh T4 kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1 phải trả toàn bộ 02 khoản nợ gốc theo phương pháp trả nợ nêu trên bằng hình thức chuyển vào tài khoản số 1016758388, tên chủ tài khoản Công ty cổ phần T15 tại Ngân hàng cổ phần T16 nhánh H

+ Trường hợp Công ty TNHH T9, chị Nguyễn Thị Thanh T4 kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1 thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc theo phương pháp trả nợ nêu trên thì Công ty TNHH T9, chị Nguyễn Thị Thanh T4 kinh doanh Nguyễn Thị Thanh T1 không phải trả cho Công ty cổ phần T10 số nợ lãi trên nợ gốc của 02 khoản nợ gốc nêu trên, cụ thể: Công ty TNHH T9 và bà Nguyễn Thị Thanh T5 phải trả số tiền lãi 62.969.888 đồng; hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh T1 không phải trả số tiền lãi 11.319.218 đồng.

+ Trường hợp Công ty TNHH T9, chị Nguyễn Thị Thanh T4 kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1 thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (tương ứng với nghĩa vụ trả nợ gốc) theo phương pháp trả nợ nêu trên tại bất kỳ kỳ trả nợ nào thì bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với toàn bộ khoản nợ gốc (nợ gốc của Công ty TNHH T17 bà Nguyễn Thị Thanh T6: 419.798.855 đồng; nợ gốc của hộ kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1 là 75.461.450 đồng) và Công ty cổ phần T18 quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành đối với toàn bộ khoản nợ gốc còn lại của 02 khoản nợ gốc nêu trên theo quy định của pháp luật. Đồng thời, Công ty TNHH T9, chị Nguyễn Thị Thanh T4 kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1 phải trả cho Công ty cổ phần T2 khoản tiền lãi trên nợ gốc, cụ thể: Công ty TNHH T17 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền lãi 62.969.888đ (sáu mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm tám mươi tám đồng) và hộ kinh doanh Nguyễn Thị T2 T1 phải trả số tiền lãi 11.319.218đ (mười một triệu, ba trăm mười chín nghìn, hai trăm mười tám đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Công ty TNHH T9 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.396.000đ (mười triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng); hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.773.000đ (ba triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng